

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 44/2020/HNGĐ -ST

Ngày 26/8/2020

“Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trứ
2. Bà Trần Thị Diễm Châu

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Thu H**, sinh năm 1998

Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Văn Q**, sinh năm 1963

Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H do mai mối, tìm hiểu được 02 tháng thì

tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào ngày 08-09/4/2017(âl), có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 31/5/2017.

Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình chồng, hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân khi chị mang thai anh Hiếu không quan tâm, anh H đưa chị đi khám thai được 1, 2 lần còn lại là cha mẹ ruột chị đưa chị đi.

Về tài sản chung: Khi cưới cha mẹ chồng có cho vợ chồng chị 20 chỉ vàng 24K, chị giữ 15 chỉ, còn anh H giữ 05 chỉ. Thời gian sau, anh H lấy lại 15 chỉ vàng do chị cất giữ từ đó dẫn đến vợ chồng cự cãi, mâu thuẫn, hiện nay anh H đang quản lý 20 chỉ vàng 24K. Sau đó, anh H bán hết số vàng 20 chỉ 24K (gồm 05 chỉ mà anh H giữ) để thuê đất ruộng canh tác. Tuy nhiên, việc này anh H không có bàn bạc với chị, nên chị không biết. Anh H khai, anh thuê đất làm lúa bị thua lỗ thì anh tự chịu trách nhiệm, vì khi anh H bán vàng để thuê đất thì không có bàn bạc với chị trước khi sử dụng hết số vàng cưới.

Chị và anh H ly thân từ 14/4/2018 (dl) cho đến nay, chị thì sống ở bên gia đình cha mẹ chị ở huyện L, tỉnh Đồng Tháp, còn anh H thì ở nhà cha mẹ anh ở xã L, huyện VT. Trong thời gian ly thân, anh H cũng có qua thăm con, chứ không có mong muốn vợ chồng hàn gắn lại tình cảm.

Nguyên nhân chính dẫn đến chị phải làm đơn xin ly hôn là do anh H không tôn trọng chị, không tin tưởng về việc chị giữ vàng cưới mà anh thì muốn cất giữ. Sau đó, anh H bán hết vàng cưới thuê đất canh tác cũng không báo cho chị biết nên từ đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Chị và anh H sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên không thể duy trì quan hệ hôn nhân chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 người con chung tên Trần Võ Phương T, sinh ngày 03/02/2018, từ khi ly thân đến nay, cháu T do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 20 chỉ vàng 24K, trị giá khoảng 90.000.000 đồng (tương đương 4.500.000 đồng/chỉ), là số vàng cha mẹ chồng cho vợ chồng chị trong ngày cưới do anh H quản lý và sử dụng hết, chị yêu cầu chia đôi số tài sản chung này và yêu cầu được nhận bằng giá trị số tiền 45.000.000 đồng.

Về nợ: Không có

- Bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản. Anh và chị H sống chung đến tháng 4/2018 thì ly thân cho đến nay. Anh ở nhà cha mẹ ruột ở xã L, huyện VT, còn chị H sống ở bên gia đình vợ anh tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian ly thân, anh cũng có đến thăm con nhiều lần.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh kêu chị H đưa vàng cưới cho anh bán lấy tiền thuê đất ruộng canh tác nhưng chị H không đồng ý, từ đó vợ chồng cự cãi, mâu thuẫn và dẫn đến ly thân. Nay chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý, còn trường hợp chị H giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung:

Khi cưới, cha mẹ anh có cho vợ chồng 20 chỉ vàng 24K, anh quản lý 05 chỉ, còn chị H quản lý 15 chỉ. Sau đó, anh lấy 15 chỉ vàng của chị H đưa cho anh và 05 chỉ vàng do anh quản lý, tổng cộng là 20 chỉ vàng 24k, anh mang bán 20 chỉ vàng này được số tiền tổng cộng là 68.000.000 đồng (sáu mươi tám triệu đồng). Sau đó, anh mang số tiền bán vàng được đi thuê đất ruộng của 03 hộ gồm: ông Nguyễn Trí B, ông Huỳnh Thanh T1 và ông Nguyễn Ngọc T2, những người này cùng địa chỉ ấp T, xã L huyện VT, thành phố Cần Thơ.

Anh thuê đất cụ thể: của ông T1 10 công đất trồng lúa (mỗi công 1.296m²) với giá 22.000.000 đồng, thời hạn thuê 02 vụ: vụ hè thu và vụ 3 năm 2019; ông B anh thuê 07 công đất trồng lúa (mỗi công 1.296m²) với giá 25.000.000 đồng, thời hạn thuê 03 vụ: Hè thu, Đông xuân và vụ 3 của năm 2018; ông T2 anh thuê 03 công đất trồng lúa (mỗi công 1.296m²) với 11.500.000 đồng, thời hạn thuê 03 vụ: Hè thu, Đông xuân và vụ 3 của năm 2018, tổng cộng số tiền anh thuê đất là 58.500.000 đồng, số tiền còn lại 9.500.000 đồng anh cất giữ để chi xài cá nhân hết hiện nay không còn. Cha anh là ông Trần Văn Q người trực tiếp thuê đất, khi thuê đất thì vợ anh cũng biết. Trong thời gian thuê đất canh tác, đều bị thua lỗ, nên hiện nay tài sản chung của vợ chồng là 20 chỉ vàng 24K không còn. Chị H yêu cầu anh chia tài sản chung quy ra giá trị 10 chỉ vàng 24K, số tiền 45.000.000 đồng thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Hà có với nhau 01 người con chung tên Trần Võ Phương T, sinh ngày 03/02/2018, từ khi ly thân đến nay, cháu Thảo do chị Hà nuôi dưỡng. Tại biên bản hòa giải ngày 24/7/2020 ở Tòa án, anh thống nhất giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ: Không có

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H, chia tài sản chung, yêu cầu được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng. Còn bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thu lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Võ Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con: Giao cháu Trần Võ Phương T, sinh ngày 03/02/2018 cho chị H nuôi dưỡng, công nhận chị H tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Buộc anh H chia giao cho chị H 10 chỉ vàng 24K nhưng quy ra giá trị bằng tiền theo yêu cầu của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đồng thời, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thu H là xin ly hôn với anh Trần Văn H do mâu thuẫn gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Văn H cư trú tại địa bàn xã T, huyện VT, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Các đương sự là nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt tham gia xét xử.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thu H và anh Trần Văn H do mai mối, tìm hiểu được 02 tháng thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào ngày 08-09/4/2017(âl), có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 31 tháng 5 năm 2017 theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị H có đơn xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Theo lời trình bày của chị H, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thiếu sự quan tâm, không làm tròn trách nhiệm của người chồng trong thời gian chị mang thai, không tin tưởng về việc chị giữ tài sản chung. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị và anh H ly thân từ ngày 14 tháng 4 năm 2018 (dl) cho đến nay, chị sống bên gia đình cha mẹ của chị ở huyện L, tỉnh Đồng Tháp, còn anh H thì sống bên gia đình cha mẹ ruột tại huyện VT, thành phố Cần Thơ, trong thời gian ly thân anh H có qua thăm con nhưng không có mong muốn vợ chồng hàn gắn lại. Nay tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh H.

Xét thấy, do chị H và anh H tiến đến hôn nhân là do có sự mai mối, không có nhiều thời gian để tìm hiểu nhau, vì vậy sau khi kết hôn giữa hai người không có sự hòa hợp về tính cách, cư xử, thiếu sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống. Tuy quan hệ là vợ chồng, nhưng chị H, anh H cũng không thể trao đổi, bàn bạc để thống nhất cách làm ăn, phát triển kinh tế cho gia đình, anh H tự ý sử dụng vàng cưới đi thuê đất canh tác trong khi chị H chưa đồng ý là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Đồng thời, việc làm ăn của anh H cũng không mang lại hiệu quả (theo anh trình bày là thuê đất ruộng canh tác và bị thua lỗ, hết vốn). Chị H không thể cảm thông, chia sẻ với anh H về việc này nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, dẫn đến ly thân. Tuy anh H có ý kiến muốn hàn gắn, đoàn tụ nhưng xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung tên Trần Võ Phương T, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2018, từ khi ly thân đến nay cháu T do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, anh

H cũng thống nhất. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh H thống nhất vợ chồng có 20 chỉ vàng 24K là tài sản chung, được cha mẹ chồng cho anh chị trong ngày cưới. Sau khi cưới thì chị H quản lý 15 chỉ, anh H quản lý 05 chỉ, sau đó anh H lấy 15 chỉ vàng của chị H đưa và 05 chỉ vàng do anh H quản lý, tổng cộng là 20 chỉ vàng 24K. Lẽ ra, khi anh H sử dụng hết số tài sản này vào bất kỳ mục đích gì thì anh cũng phải bàn bạc với chị H và có sự thống nhất của vợ chồng. Bởi vì, trong số 20 chỉ vàng 24k là tài sản chung, thì $\frac{1}{2}$ là phần sở hữu của chị H (10 chỉ vàng 24K), anh H định đoạt luôn phần tài sản này là không đúng. Do đó, anh H phải có trách nhiệm chia giao cho chị H $\frac{1}{2}$ tài sản chung (10 chỉ vàng 24K). Tuy nhiên, chị H chỉ yêu cầu anh H có trách nhiệm giao lại cho chị sở hữu số tiền 45.000.000đồng ở thời điểm hiện tại là đã có lợi cho anh H (*vì 10 chỉ vàng 24K có giá trị tương đương khoảng 55.000.000đồng ở thời điểm xét xử sơ thẩm*) nên được chấp nhận.

[2.4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định “*về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

[2.5] Về án phí chia tài sản: Chị H phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về “*mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”, cụ thể: 45.000.000đồng x 5% = 2.250.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 56, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về *mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Văn H.

2/ Về con: Giao cháu Trần Võ Phương T, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2018 cho chị Võ Thị Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh H, chị H và gia đình không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, chị H và anh H có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định.

3/ Về tài sản:

Buộc anh Trần Văn H có trách nhiệm giao cho chị Võ Thị Thu H số tiền 45.000.000đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) để chị sở hữu.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H chậm giao số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành án.

3/ Về án phí:

3.1/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Võ Thị Thu H phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng).

3.2/ Về án phí chia tài sản: Buộc chị Võ Thị Thu H phải chịu số tiền 2.250.000đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

3.3/ Về tiền tạm ứng án phí:

Số tiền tạm ứng án phí 1.475.000đồng mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/016292, ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ được chuyển thành tiền án phí mà chị H phải chịu tổng cộng 2.550.000đồng. Số tiền chênh lệch còn thiếu 1.075.000đồng chị H phải tiếp tục nộp.

4/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Bảo Anh

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Diễm Châu Nguyễn Công Trứ

Võ Bảo Anh